



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 177/HQĐ-ĐHNT, ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

I. THÔNG TIN CHUNG

I.1. Tên chương trình đào tạo

Tiếng Việt: **Bệnh học thủy sản**

Tiếng Anh: **Aquaculture Pathology**

I.2. Tên ngành: Bệnh học thủy sản

Mã số: 52620302

I.3. Trình độ đào tạo: Đại học

I.4. Hình thức đào tạo: Chính quy

I.5. Định hướng đào tạo: Ứng dụng

I.6. Thời gian đào tạo: 4 năm

I.7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 150 tín chỉ (bao gồm cả kiến thức giáo dục thể chất và quốc phòng)

I.8. Khoa/Viện quản lý: Viện Nuôi trồng Thủy sản

I.9. Giới thiệu về chương trình:

Chương trình giáo dục đại học Bệnh học thủy sản đào tạo kỹ sư bệnh học thủy sản. Bên cạnh những kiến thức chung nhằm đào tạo toàn diện, về chuyên môn, chương trình tập trung vào các lĩnh vực chính: phát hiện, chẩn đoán và chữa trị các bệnh trong nuôi trồng thủy sản; quản lý dịch bệnh trên đối tượng thủy sản.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

II.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học Bệnh học thủy sản cung cấp cho sinh viên môi trường và những hoạt động giáo dục để họ hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, tư duy độc lập, năng lực phê phán và trách nhiệm cá nhân, sức khỏe, thẩm mỹ, khả năng đạt được thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực Bệnh học thủy sản ở trình độ đại học, đáp ứng nhu cầu xã hội.

II.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình giáo dục đại học Bệnh học thủy sản nhằm đào tạo kỹ sư bệnh học thủy sản có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ cho sự phát triển của ngành: Phát hiện, chẩn đoán và chữa trị các bệnh trong nuôi trồng thủy sản, quản lý sức khỏe động vật thủy sản, quản lý dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản, thực hiện các nghiên cứu khoa học về bệnh học thủy sản và chuyển giao công nghệ về chẩn đoán, phòng trị bệnh ở động vật thủy sản, kinh doanh, dịch vụ về thú y thủy sản.



III. CHUẨN ĐẦU RA

III.1. Nội dung chuẩn đầu ra

A. Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe

- A1 Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân.
- A2 Có hiểu biết về văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật.
- A3 Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.
- A4 Có ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ.
- A5 Có ý thức rèn luyện sức khỏe.

B. Kiến thức

- B1 Hiểu các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B2 Hiểu và vận dụng kiến thức toán, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, công nghệ thông tin và kiến thức cơ sở vào ngành bệnh học thủy sản.
- B3 Hiểu biết các vấn đề đương đại liên quan đến lĩnh vực bệnh học thủy sản.
- B4 Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên môn sâu.
 - B4.1. Quản lý sức khỏe động, thực vật thủy sản.
 - B4.2. Phòng ngừa dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản.
 - B4.3. Quản lý dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản.
 - B4.4. Chẩn đoán và chữa trị các bệnh cho động, thực vật thủy sản.

C. Kỹ năng

- C1 Kỹ năng nghề nghiệp.
 - C1.1. Phát hiện, chẩn đoán và chữa trị các bệnh trong nuôi trồng thủy sản.
 - C1.2. Xây dựng và triển khai các phương án phòng ngừa dịch bệnh trong các cơ sở nuôi trồng thủy sản.
 - C1.3. Tổ chức thực hiện các nghiên cứu khoa học về bệnh học thủy sản.
 - C1.4. Tổ chức thực hiện phòng trị bệnh trong nuôi trồng thủy sản.
 - C1.5. Tổ chức triển khai các chương trình tập huấn về chẩn đoán, phòng trị và quản lý sức khỏe động vật thủy sản.
 - C1.6. Tổ chức thực hiện các dịch vụ liên quan đến thú y thủy sản
- C2 Kỹ năng mềm.
 - C2.1. Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và với cộng đồng.
 - C2.2 Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin (theo chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) và ngoại ngữ (bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết công việc chuyên môn

III.2. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp các kỹ sư bệnh học thủy sản có thể làm việc tại:

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh về nuôi trồng thủy sản
2. Các cơ quan nghiên cứu về dịch bệnh ở các đối tượng nuôi thủy sản
3. Các cơ sở nghiên cứu và chuyển giao công nghệ nuôi trồng thủy sản
4. Các cơ quan quản lý nhà nước về thú y thủy sản và nuôi trồng thủy sản

5. Các cơ sở đào tạo bậc đại học, cao đẳng hoặc trung cấp về lĩnh vực bệnh học thủy sản hoặc nuôi trồng thủy sản.

6. Các cơ sở dịch vụ hoặc các doanh nghiệp kinh doanh về thú y thủy sản

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

IV.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
I. Kiến thức giáo dục đại cương	59	39,33	49	83,05	10	16,95
1. Khoa học xã hội và nhân văn	18	12	14	77,78	4	22,22
2. Toán, khoa học tự nhiên, công nghệ và môi trường	22	14,67	18	81,82	4	18,18
3. Ngoại ngữ	8	5,33	8	100	0	0
4. Giáo dục thể chất và QP-AN	11	7,33	9	81,82	2	18,18
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91	60,67	73	80,22	18	19,78
1. Kiến thức cơ sở ngành	35	23,33	29	82,86	6	17,14
2. Kiến thức ngành	56	37,33	44	78,57	12	21,43
Tổng cộng	150		122	81,33	28	18,67

IV.2. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành và các quy định khác trong đề án tuyển sinh của Trường.

IV.3. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy định đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang.

IV.4. Nội dung chương trình đào tạo

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bổ theo giờ tín chỉ		Mã số/ Học phần tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Thực hành		
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG						
I	Khoa học xã hội và nhân văn	18				
I.1.	Các học phần bắt buộc	14				
1	Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	30		-	A1, B1
2	Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	45		1	A1, B1
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2	B1
4	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	45		3	A1, B1



5	Pháp luật đại cương	2	30		-	A1, A2
6	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	30		-	C2
II.2	Các học phần tự chọn	4				
7	Tâm lý học đại cương	2	30		-	A3, B2
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30		-	
9	Lịch sử văn minh thế giới	2	30		-	
10	Logic học đại cương	2	30		-	
11	Nhập môn hành chính nhà nước	2	30		-	A1, B2
12	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	30		-	
13	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2	30		6	
14	Nhập môn quản trị học	2	30		-	
15	Kinh tế học đại cương	2	30		2	
II	Toán, khoa học tự nhiên, công nghệ và môi trường	22				
II.1	Các học phần bắt buộc	18				
16	Đại số tuyến tính	2	30		-	B2
17	Giải tích	3	45		-	B2
18	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45		23,24	B2
19	Tin học cơ sở	3	45		-	C2
20	Sinh học đại cương	2	30		-	B2
21	Thực hành sinh học đại cương	1		15	26	B2
22	Hóa học đại cương	3	45		-	B2
23	Thực hành hóa học đại cương	1		15	28	B2
II.2	Các học phần tự chọn	4				
24	Vật lý đại cương	3	45		-	B2
25	Thực hành Vật lý đại cương	1		15	30	B2
26	Con người và môi trường	2	30		-	B2, B3, B4
27	Biến đổi khí hậu	2	30		-	B2, B3, B4
III	Ngoại ngữ	8				
28	Ngoại ngữ 1	4	60		-	C2
29	Ngoại ngữ 2	4	60		34	C2
IV	Giáo dục thể chất và QP-AN	11				
IV.1	Các học phần bắt buộc	9				
30	Giáo dục thể chất 1 (điền kinh)	1	15			A5
31	Đường lối quân sự của ĐCS Việt Nam	3	45			
32	Công tác quốc phòng – an ninh	2	30			
33	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và CKC	3	30			
IV.2	Các học phần tự chọn	2				
34	Giáo dục thể chất 2 tự chọn 1 trong 5 học phần (Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, võ thuật, bơi lội)	1	15			A5
35	Giáo dục thể chất 3 tự chọn 1 trong 5 học phần (Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, võ thuật, bơi lội)	1	15			A5
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP						
I	Kiến thức cơ sở	35				


I.1	Các học phần bắt buộc	29				
36	Động vật không xương sống ở nước	3	30	15	26	B4, C1
37	Thực vật ở nước	3	30	15	26	B4, C1
38	Mô và phôi động vật thủy sản	3	30	15	26	B4, C1
39	Nhập môn bệnh học thủy sản	2	30		26, 38	B3, C1
40	Sinh thái thủy sinh	3	45		36,37	B4, C1
41	Sinh lý động vật thủy sinh	3	30	15	36,37	B4, C1
42	Ngư loại	3	30	15	26	B4, C1
43	Vi sinh vật đại cương	3	30	15	26	B4, C1
44	Vi sinh vật ứng dụng trong NTTS	3	30	15	44	B4, C1
45	Miễn dịch học ứng dụng trong NTTS	3	45		39	B3, B4, C1
I.2	Các học phần tự chọn	6				
46	Quản lý chất lượng nước trong NTTS	3	30	15	40	B3, C1
47	Dinh dưỡng động vật thủy sản	3	45		41	B3, C1
48	Thức ăn trong NTTS	3	30	15	47	B3, C1
49	Di truyền và chọn giống thủy sản	3	45		26	B3, C1
50	Marketing căn bản	3	45		15	
II	Kiến thức ngành	46				
II.1	Các học phần bắt buộc	34				B3, C1
51	Mô bệnh học	3	30	15	38	B3, C1
52	Dược lý học	3	45		45	B4, C1
53	Dịch tễ học	3	45		45	B4, C1
54	Địch hại và bệnh do yếu tố vô sinh ở ĐVTS	2	30		39	B4, C1
55	Bệnh do virus gây ra ở động vật thủy sản	3	30	15	44	B4, C1
56	Bệnh do vi khuẩn gây ra ở ĐVTS	3	30	15	44	B4, C1
57	Bệnh do nấm gây ra ở ĐVTS	3	30	15	44	B4, C1
58	Bệnh do ký sinh trùng gây ra ở ĐVTS	3	30	15	39	B4, C1
59	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu BHTS	3	30	15		B4, C1
60	Kỹ năng viết báo cáo BHTS	2	30		59	B3, C2
61	Pháp luật về thú y thủy sản	2	30			B3, C2
62	Thực tập chuyên ngành BHTS	4		60	59	B3, B4, C1
II.2	Các học phần tự chọn	12				
63	Sản xuất giống và nuôi cá biển	3	45		46, 47, 48	B3, C1
64	Sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt	3	45		46, 47, 48	B3, C1
65	Sản xuất giống và nuôi giáp xác	3	45		46, 47, 48	B3, C1
66	Sản xuất giống và nuôi động vật thân mềm	3	45		46, 47, 48	B3, C1
67	Công nghệ sinh học trong NTTS	3	30	15	43, 44	B3, C1
II.3	Đồ án tốt nghiệp hoặc tương đương	10				
68	Đồ án tốt nghiệp	10				B3, B4, C1
69	Chuyên đề tốt nghiệp	6				B3, B4, C1
70	Thực tập giáo trình về nuôi trồng thủy sản	4				B2, B4, C1

					C1
71	Quản lý sức khỏe động vật thủy sản	2		41	B3, C1
72	Khuyến ngư và phát triển nông thôn	2			B3, C1
73	Ô nhiễm môi trường nước	2		46	B3
74	Quản trị doanh nghiệp	2			B3
Số tín chỉ bắt buộc (i)		122			
Số tín chỉ tự chọn (ii)		28			
Tổng số tín chỉ (i+ii)		150			

TỔ CẤP NHẬP


Nguyễn Văn Sỹ

TRƯỞNG KHOA/VIỆN


Phạm Quốc Hùng

PHÒNG ĐÀO TẠO


Trần Doãn Hùng



HIỆU TRƯỞNG


Trương Thị Trung